



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh An Giang

Số 9

Ngày 20 tháng 03 năm 2023

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

23/02/2023	Quyết định số 191/QĐ-UBND Phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang	3
28/02/2023	Quyết định số 226/QĐ-UBND Đính chính sai sót về căn cứ ban hành trong Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh	23
07/03/2023	Quyết định số 256/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành bị bãi bỏ lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang	25
08/03/2023	Quyết định số 272/QĐ-UBND Về việc công nhận chuẩn phổ cập giáo dục và xóa mù chữ năm 2022	28
14/03/2023	Quyết định số 291/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang	31

14/03/2023	Quyết định số 292/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nhà ở thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang	39
02/03/2023	Quyết định số 148/KH-UBND Tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023	42
14/03/2023	Công văn số 243/UBND-TH Về việc triển khai công bố, công khai, hướng dẫn thực hiện TTHC có yêu cầu nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc xác nhận tại nơi cư trú	51

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 191/QĐ-UBND

An Giang, ngày 23 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực
Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước
của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2067/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang tại Tờ trình số 12/TTr-SKHĐT ngày 09 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan trên cơ sở quy trình được ban hành kèm theo Quyết định này cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Bình

PHỤ LỤC**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2023
của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang)*

1. Tên thủ tục: Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT-
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị		

MỤC LỤC**SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

- MỤC ĐÍCH**
- PHẠM VI**
- TÀI LIỆU VIỆN DẪN**
- ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT**
- NỘI DUNG QUY TRÌNH**
- BIỂU MẪU**
- HỒ SƠ CẦN LƯU**

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU: Không

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định chi tiết trình tự thủ tục đề nghị hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, đảm bảo các cán bộ, công chức, viên chức liên quan giải quyết các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với: Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV; Doanh nghiệp nhỏ và vừa đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

- UBND: Ủy ban nhân dân.
- DNNVV: Doanh nghiệp nhỏ và vừa

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 06 năm 2017; - Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 08 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. - Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND tỉnh An Giang ban hành Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh An Giang đến năm 2025.
5.2	Yêu cầu, điều kiện thực hiện
	Không có

5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<p>Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa và đề xuất nhu cầu hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, trong đó ghi rõ nội dung và mức ngân sách đề nghị được hỗ trợ, báo giá của bên cung cấp (nếu có)</p>	X	
	<p>- Tài liệu xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo: Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo trên căn cứ có giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo hoặc sản phẩm, dự án về đổi mới sáng tạo; hoặc được cấp văn bằng bảo hộ đối với sáng chế; hoặc được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ, Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Khoản 1, Điều 21 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP), tài liệu xác định bao gồm: + Giấy chứng nhận đạt giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo hoặc sản phẩm, dự án về đổi mới sáng tạo. Giấy chứng nhận có thời gian không quá 05 năm tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ; + Văn bằng bảo hộ đối với sáng chế hoặc giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ hoặc giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao với điều kiện các tài liệu này vẫn còn thời hạn tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo trên căn cứ đã được đầu tư hoặc cam kết đầu tư bởi các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; được hỗ trợ hoặc cam kết hỗ trợ bởi các khu làm việc chung, các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở ươm tạo, cơ sở thúc đẩy kinh doanh, các trung tâm đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về đầu tư (Khoản 2, Điều 21 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP), tài liệu bao gồm:</p>	X	

	<p>+ Hợp đồng góp vốn hoặc văn bản xác nhận khoản đầu tư của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo có giá trị tối thiểu 01 tỷ đồng; thời điểm đầu tư không quá 05 năm đến khi DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ;</p> <p>+ Văn bản cam kết của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo với khoản đầu tư tối thiểu 500 triệu đồng và thời điểm cam kết không quá 01 năm đến khi DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ;</p> <p>+ Văn bản xác nhận hoặc hợp đồng thể hiện đang thực hiện hỗ trợ cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo của các khu làm việc chung, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở ươm tạo, cơ sở thúc đẩy kinh doanh, trung tâm đổi mới sáng tạo; hoặc văn bản cam kết hoặc hợp đồng thể hiện sẽ hỗ trợ cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo. Thời điểm xác nhận, cam kết hỗ trợ không quá 06 tháng tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề xuất hỗ trợ.</p>		
	<p>- Tài liệu xác định DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị thuộc lĩnh vực sản xuất, chế biến.</p> <p>+ Đối với DNNVV là doanh nghiệp đầu chuỗi được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam: Tài liệu xác định quy mô là DNNVV.</p> <p>+ DNNVV đang thực hiện hợp đồng mua, bán sản phẩm, dịch vụ hoặc hợp đồng hợp tác, liên kết với doanh nghiệp đầu chuỗi: Tài liệu là tối thiểu 01 hợp đồng mua hoặc bán sản phẩm hoặc hợp tác, liên kết với doanh nghiệp đầu chuỗi.</p> <p>+ DNNVV được các doanh nghiệp đầu chuỗi hoặc cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV đánh giá có tiềm năng trở thành nhà cung ứng cho doanh nghiệp đầu chuỗi: tài liệu là xác nhận của doanh nghiệp đầu chuỗi.</p>	X	
	- Các tài liệu liên quan trực tiếp khác (nếu có)		X
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
5.5	Thời gian xử lý: 14 ngày (112 giờ) làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.		

5.6	Cơ quan giải quyết: Sở Kế hoạch và Đầu tư
5.7	Lệ phí: Không

5.8 Quy trình xử lý công việc:				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền thực hiện thủ tục	Giờ hành chính	Theo mục 5.3
Bước 2	<p>Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Hồ sơ hợp lệ theo quy định: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển bộ phận chuyên môn - Chuyển hồ sơ đơn vị chuyên môn (Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp) 	Công chức làm việc tại quầy giao dịch của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	08 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 01, Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 03, Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 02, Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)

5.8 Quy trình xử lý công việc:				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
				- Mẫu số 05, Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) - Bộ hồ sơ theo quy định
Bước 3	Phân công xử lý hồ sơ	Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp	08 giờ	- Bộ hồ sơ theo quy định - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
Bước 4	- Chuyên viên tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Kiểm tra hồ sơ: + Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do + Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Tiến hành thẩm định trình hồ sơ Lãnh đạo Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp - Trình Lãnh đạo Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp phê duyệt	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp	48 giờ	- Dự thảo văn bản - Công văn phúc đáp (nếu có)
Bước 5	Lãnh đạo Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp xem xét - Nếu đồng ý: phê duyệt kết quả, trình Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư (hoặc Lãnh đạo Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện theo nhiệm vụ được	Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp	08 giờ	- Dự thảo văn bản - Thông báo phê duyệt hỗ trợ hoặc không đủ điều

5.8 Quy trình xử lý công việc:				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
	giao) ký ban hành Thông báo về việc hỗ trợ cho doanh nghiệp - Nếu không đồng ý: chuyển trả hồ sơ chuyên viên trình			kiện hỗ trợ của cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp (nếu có)
Bước 6	Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư - Nếu đồng ý: ký ban hành Thông báo về việc hỗ trợ cho doanh nghiệp - Nếu không đồng ý: chuyển trả hồ sơ về Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp	- Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư - Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp	16 giờ	Thông báo phê duyệt hỗ trợ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ của cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp
Bước 7	Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn thời gian trả kết quả	- Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp - Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp	08 giờ	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)
Bước 8	- Phát hành văn bản - Chuyển kết quả giải quyết TTHC đến Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp	08 giờ	- Thông báo phê duyệt hỗ trợ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ của cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV

5.8 Quy trình xử lý công việc:				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
				- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 9	Tiếp nhận văn bản và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức làm việc tại quầy giao dịch của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	08 giờ	- Thông báo phê duyệt hỗ trợ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ của cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 10	- Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp	Giờ hành chính	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa và đề xuất nhu cầu hỗ trợ

7. HỒ SƠ CẦN LƯU**Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:**

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	<p>Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa và đề xuất nhu cầu hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, trong đó ghi rõ nội dung và mức ngân sách đề nghị được hỗ trợ, báo giá của bên cung cấp (nếu có)</p>
2	<p>- Tài liệu xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo:</p> <p>Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo trên căn cứ có giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo hoặc sản phẩm, dự án về đổi mới sáng tạo; hoặc được cấp văn bằng bảo hộ đối với sáng chế; hoặc được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ, Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Khoản 1, Điều 21 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP), tài liệu xác định bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giấy chứng nhận đạt giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo hoặc sản phẩm, dự án về đổi mới sáng tạo. Giấy chứng nhận có thời gian không quá 05 năm tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ; + Văn bằng bảo hộ đối với sáng chế hoặc giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ hoặc giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao với điều kiện các tài liệu này vẫn còn thời hạn tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ. <p>Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo trên căn cứ đã được đầu tư hoặc cam kết đầu tư bởi các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; được hỗ trợ hoặc cam kết hỗ trợ bởi các khu làm việc chung, các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở ươm tạo, cơ sở thúc đẩy kinh doanh, các trung tâm đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về đầu tư (Khoản 2, Điều 21 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP), tài liệu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hợp đồng góp vốn hoặc văn bản xác nhận khoản đầu tư của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo có giá trị tối thiểu 01 tỷ đồng; thời điểm đầu tư không quá 05 năm đến khi DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ; + Văn bản cam kết của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo với khoản đầu tư tối thiểu 500 triệu đồng và thời điểm cam kết không quá 01 năm đến khi DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ; + Văn bản xác nhận hoặc hợp đồng thể hiện đang thực hiện hỗ trợ cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo của các khu làm việc chung, tổ chức hỗ trợ

	khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở ươm tạo, cơ sở thúc đẩy kinh doanh, trung tâm đổi mới sáng tạo; hoặc văn bản cam kết hoặc hợp đồng thể hiện sẽ hỗ trợ cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo. Thời điểm xác nhận, cam kết hỗ trợ không quá 06 tháng tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề xuất hỗ trợ.
3	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu xác định DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị thuộc lĩnh vực sản xuất, chế biến. + Đối với DNNVV là doanh nghiệp đầu chuỗi được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam: Tài liệu xác định quy mô là DNNVV. + DNNVV đang thực hiện hợp đồng mua, bán sản phẩm, dịch vụ hoặc hợp đồng hợp tác, liên kết với doanh nghiệp đầu chuỗi: Tài liệu là tối thiểu 01 hợp đồng mua hoặc bán sản phẩm hoặc hợp tác, liên kết với doanh nghiệp đầu chuỗi. + DNNVV được các doanh nghiệp đầu chuỗi hoặc cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV đánh giá có tiềm năng trở thành nhà cung ứng cho doanh nghiệp đầu chuỗi: tài liệu là xác nhận của doanh nghiệp đầu chuỗi.
4	- Các tài liệu liên quan trực tiếp khác (nếu có)
5	Thông báo phê duyệt hỗ trợ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ của cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV

Mẫu số 01

**TỜ KHAI XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP SIÊU NHỎ, DOANH NGHIỆP NHỎ,
DOANH NGHIỆP VỪA VÀ ĐỀ XUẤT NHU CẦU HỖ TRỢ**
(theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ)

1. Thông tin chung về doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp:.....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:.....

Loại hình doanh nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Quận/huyện: Tỉnh/thành phố:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Thông tin xác định doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ:

Có vốn điều lệ do một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% trở lên: Có Không

Tên người quản lý điều hành doanh nghiệp:.....

3. Thông tin về tiêu chí xác định quy mô doanh nghiệp:

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.....

Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm:

Trong đó, số lao động nữ:

Tổng nguồn vốn:.....

Tổng doanh thu năm trước liền kề:.....

4. Doanh nghiệp tự xác định thuộc quy mô (tích X vào ô tương ứng):

 Doanh nghiệp siêu nhỏ Doanh nghiệp nhỏ Doanh nghiệp vừa

5. Các nội dung đề xuất hỗ trợ (Doanh nghiệp lựa chọn một hoặc nhiều nội dung hỗ trợ):

 Hỗ trợ công nghệ:..... Hỗ trợ tư vấn:..... Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực:..... Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh:

.....

 Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo:.....

.....

 Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị:

.....

DOANH NGHIỆP CAM KẾT

1. Về tính chính xác liên quan tới thông tin của doanh nghiệp.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:

2. Tên thủ tục: Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT-
	Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp		

MỤC LỤC**SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU: Không

Yêu cầu sửa đổi/bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định chi tiết trình tự thủ tục Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp cho hộ kinh doanh đăng ký chuyển đổi thành doanh nghiệp, đảm bảo các cán bộ, công chức, viên chức liên quan giải quyết các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với hoạt động Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp cho hộ kinh doanh đăng ký chuyển đổi thành doanh nghiệp. Cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh An Giang và các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm soát quy trình này.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

- UBND: Ủy ban nhân dân.

- DNNVV: Doanh nghiệp nhỏ và vừa

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 06 năm 2017; - Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 08 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. - Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND tỉnh An Giang ban hành Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh An Giang đến năm 2025.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	Không có		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Giấy đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh		X
	Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế		X
	Chứng từ nộp lệ phí môn bài, các loại thuế và khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có), tờ khai thuế trong thời hạn 01 năm trước khi chuyển đổi		X
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
5.5	Thời gian xử lý: 03 ngày (24 giờ) làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		

5.6	Cơ quan giải quyết: Sở Kế hoạch và Đầu tư			
5.7	Lệ phí: Không			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	Người đại diện theo pháp luật của Hộ kinh doanh hoặc người được ủy quyền thực hiện thủ tục	Giờ hành chính	Theo mục 5.3
Bước 2	<p>Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Hồ sơ hợp lệ theo quy định: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển phòng chuyên môn - Chuyển hồ sơ Phòng chuyên môn (Phòng Đăng ký kinh doanh) 	Công chức làm việc tại quầy giao dịch của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	02 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 01, Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 03, Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 02, Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 05, Phiếu kiểm

				soát quá trình giải quyết hồ sơ (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) - Bộ hồ sơ theo quy định
Bước 3	Phòng chuyên môn - Tiếp nhận hồ sơ - Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh	02 giờ	- Bộ hồ sơ theo quy định - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
Bước 4	- Chuyên viên tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Kiểm tra hồ sơ: + Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do + Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Tiến hành thẩm định trình hồ sơ Lãnh đạo Phòng - Trình Lãnh đạo Phòng chuyên môn phê duyệt	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ Phòng Đăng ký kinh doanh	04 giờ	- Dự thảo văn bản - Công văn phúc đáp (nếu có)
Bước 5	Lãnh đạo Phòng xem xét - Nếu đồng ý: phê duyệt kết quả, trình Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét thống nhất hỗ trợ - Nếu không đồng ý: chuyển trả hồ sơ chuyên viên trình	Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh	02 giờ	- Dự thảo văn bản - Công văn phúc đáp (nếu có)
Bước 6	Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư - Nếu đồng ý: ký văn bản trả lời nội dung yêu cầu tư vấn - Nếu không đồng ý: chuyển trả hồ sơ về Phòng Đăng ký kinh doanh	- Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư	08 giờ	Văn bản trả lời nội dung yêu cầu tư vấn

		- Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh		
Bước 7	Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn thời gian trả kết quả	- Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh - Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ Phòng Đăng ký kinh doanh	02 giờ	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT- VPCP)
Bước 8	- Phát hành văn bản - Chuyển kết quả giải quyết TTHC đến Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công	Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ Phòng Đăng ký kinh doanh	02 giờ	- Văn bản trả lời nội dung yêu cầu tư vấn - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 9	Tiếp nhận văn bản và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Công chức làm việc tại quầy giao dịch của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	02 giờ	- Văn bản trả lời nội dung yêu cầu tư vấn - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ

Bước 10	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định 	<p>Chuyên viên được phân công xử lý hồ sơ Phòng Đăng ký kinh doanh</p>	<p>Giờ hành chính</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định
----------------	---	--	-----------------------	--

6. BIỂU MẪU: Không**7. HỒ SƠ LƯU**

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh
2	Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế
3	Chứng từ nộp lệ phí môn bài, các loại thuế và khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có), tờ khai thuế trong thời hạn 01 năm trước khi chuyển đổi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 226/QĐ-UBND

An Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Đính chính sai sót về căn cứ ban hành trong Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 14/TTr-STTTT ngày 20 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính căn cứ pháp lý ban hành Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh An Giang, cụ thể:

Bỏ căn cứ pháp lý mười sáu “Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

Số: 256/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 07 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành bị bãi bỏ lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 726/QĐ-BNN-KTHT ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 52/TTr-SNNPTNT ngày 03 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số 15 Khoản XVI Mục A; Thủ tục hành chính số 174, 175 Mục B Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ; trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số 240, 241 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục các thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và không thực hiện tiếp nhận tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số 32 Mục XVI, Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số 77 Mục I phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần và lộ trình tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số 37 Mục A; thủ tục hành chính số 2, 3 Mục B ban hành kèm theo Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Bình

DANH MỤC

Thủ tục hành chính mới bị bãi bỏ lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh			
1	1.003327.000.00.00.H01	Bố trí ổn định dân cư ngoài tỉnh	Thông tư số 21/2022/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành, liên tịch ban hành (Trong đó bãi bỏ Thông tư số 19/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015 quy định TTHC này)	Sở Nông nghiệp và PTNT
B	Thủ tục hành chính cấp huyện			
1	1.003319.000.00.00.H01	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	Thông tư số 21/2022/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2022	UBND cấp huyện

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

Số: 272/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

An Giang, ngày 08 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận chuẩn phổ cập giáo dục và xóa mù chữ năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Quyết định số 1387/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đính chính Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 594/TTr-SGDĐT ngày 27 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 11 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục (PCGD) và xóa mù chữ năm 2022, như sau:

1. Thành phố Long Xuyên

- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 (13/13 xã, phường)
- Đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi (13/13 xã, phường)
- Đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3 (13/13 xã, phường)
- Đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2 (13/13 xã, phường)

2. Thành phố Châu Đốc

- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1 (7/7 xã, phường)
- Đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi (7/7 xã, phường)
- Đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3 (7/7 xã, phường)

- Đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2 (7/7 xã, phường)

3. Thị xã Tân Châu

- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 (14/14 xã, phường)
- Đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi (14/14 xã, phường)
- Đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3 (14/14 xã, phường)
- Đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2 (14/14 xã, phường)

4. Huyện Châu Thành

- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 (13/13 xã, thị trấn)
- Đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi (13/13 xã, thị trấn)
- Đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3 (13/13 xã, thị trấn)
- Đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2 (13/13 xã, thị trấn)

5. Huyện Châu Phú

- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 (13/13 xã, thị trấn)
- Đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi (13/13 xã, thị trấn)
- Đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3 (13/13 xã, thị trấn)
- Đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2 (13/13 xã, thị trấn)

6. Huyện Thoại Sơn

- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 (16/17 xã, thị trấn)
- Đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi (17/17 xã, thị trấn)
- Đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3 (17/17 xã, thị trấn)
- Đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2 (17/17 xã, thị trấn)

7. Huyện Chợ Mới

- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 (18/18 xã, thị trấn)
- Đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi (18/18 xã, thị trấn)
- Đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3 (18/18 xã, thị trấn)
- Đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3 (18/18 xã, thị trấn)

8. Huyện Phú Tân

- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 (18/18 xã, thị trấn)
- Đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi (18/18 xã, thị trấn)
- Đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3 (18/18 xã, thị trấn)
- Đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2 (18/18 xã, thị trấn)

9. Huyện An Phú

- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1 (14/14 xã, thị trấn)
- Đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi (14/14 xã, thị trấn)
- Đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3 (14/14 xã, thị trấn)
- Đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2 (14/14 xã, thị trấn)

10. Huyện Tịnh Biên

- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1 (14/14 xã, thị trấn)
- Đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi (14/14 xã, thị trấn)
- Đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3 (14/14 xã, thị trấn)
- Đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2 (14/14 xã, thị trấn)

11. Huyện Tri Tôn

- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1 (15/15 xã, thị trấn)
- Đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi (15/15 xã, thị trấn)
- Đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3 (14/15 xã, thị trấn)
- Đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2 (15/15 xã, thị trấn)

Điều 2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn trong những năm tiếp theo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Văn Phước

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

Số: 291/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

An Giang, ngày 14 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-BCT ngày 16/01/2023 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 82/TTr-SCT ngày 07 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 97, 98, 99, 100, 101, 102 tại Phụ lục 1, Phần IX Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 17/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục chuẩn

hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 85, 86, 87, 88, 89, 90 tại Phụ lục Phần XIII Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố sửa đổi, bổ sung Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang;

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số 09, 10 tại Phụ lục 1, Phần I Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 17/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số 09, 10 tại Phụ lục 1, Phần II, Mục I Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang;

- Bổ sung danh mục thủ tục hành chính mới ban hành của cấp tỉnh vào thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Bình

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH BỊ BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH AN GIANG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC HÓA CHẤT					
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	<p>- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt trụ sở chính.</p> <p>- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.</p>	Sở Công Thương	<p>Phí, lệ phí: 1.200.000 đồng</p> <p>(Quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất)</p>	<p>- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;</p> <p>- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất;</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Công Thương	Phí, lệ phí: 600.000 đồng (Quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
3	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện	- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp	Sở Công Thương	Phí, lệ phí: 600.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	<p>lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.</p> <p>- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính</p>		(Quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất)	<p>- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất;</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.</p>

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	2.001547.000.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất;	Hoá chất	Sở Công Thương
2	2.001175.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;		
3	2.001172.000.00.00.H01	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.		
4	1.002758.000.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007.		Sở Công Thương

STT	Số hồ sơ TTTC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp			
5	2.001161.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;		
6	2.000652.000.00.00.H01	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.		

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	2.000543.000.00.00.H01	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Thông tư số 42/2022/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện.	Điện	Sở Công Thương

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

Số: 292/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 14 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nhà ở thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 133/QĐ-BXD ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Bộ Xây dựng về việc công bố sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính trong lĩnh vực nhà ở liên quan đến bãi bỏ thành phần hồ sơ về xuất trình sổ hộ khẩu giấy thuộc phạm vi và chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 755/TTr-SXD ngày 08 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục sung thủ tục hành chính sửa đổi, bổ trong lĩnh vực nhà ở thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 04, 05 Mục 3; thủ tục hành chính số 01, 02, 03 Mục 1 danh mục thủ tục hành chính công bố kèm theo Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực

nhà ở, kinh doanh bất động sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Bình

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC NHÀ Ở
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Stt	Mã TTTC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.007766.000.00.00.H01	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ	Nhà ở	Sở Xây dựng
2	1.007767.000.00.00.H01	Thủ tục bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ	Nhà ở	Sở Xây dựng
3	1.01005.000.00.00.H01	Thủ tục giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.	Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ	Nhà ở	UBND cấp tỉnh
4	1.01006.000.00.00.H01	Thủ tục giải quyết chuyển quyền sử dụng đất liền kề nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.	Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ	Nhà ở	UBND cấp tỉnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

Số: 148/KH-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

An Giang, ngày 02 tháng 3 năm 2023

KẾ HOẠCH
Tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-BNV ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 664/KH-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 876/KH-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh năm 2023. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính (CCHC) năm 2023 trên địa bàn tỉnh, với những nội dung sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung:

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm tổ chức thực hiện cải cách hành chính của cán bộ quản lý các cấp, cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực thi công vụ, nhiệm vụ. Đồng thời, nâng cao nhận thức, sự đồng thuận của người dân, tổ chức, xã hội về việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Xác định nội dung, hình thức thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính phù hợp với từng nhóm đối tượng là cá nhân, cơ quan, tổ chức.

- Thông qua công tác thông tin, tuyên truyền, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có nhận thức đầy đủ về các mục tiêu, nội dung và trách nhiệm của mình trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

- Tăng cường sự tham gia của người dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội trong triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính và giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan báo chí, đài phát thanh - truyền hình, đài truyền thanh ở địa phương trong việc chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền cải cách hành chính. Đồng thời, nâng cao năng lực, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, phóng viên phụ trách đưa tin, bài, phóng sự về công tác cải cách hành chính.

- Tăng cường công tác phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hành chính nhà nước với các cơ quan thông tấn, báo chí, bảo đảm thông tin về tình hình triển khai và kết quả thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh được phản ánh đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng.

2. Yêu cầu

- Tuyên truyền kịp thời, đầy đủ, thường xuyên, liên tục, đa chiều, phù hợp với tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của từng nhóm đối tượng, đặc biệt là trên môi trường mạng xã hội.

- Tuyên truyền cải cách hành chính phải gắn với lộ trình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch số 876/KH-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh An Giang năm 2023.

- Lồng ghép công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính nhà nước với việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về cải cách lập pháp, cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân.

- Tuyên truyền về cải cách hành chính phải góp phần nâng cao dân trí, phòng, chống tham nhũng, gắn với phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

II. ĐỐI TƯỢNG

Là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh.

III. NỘI DUNG, HÌNH THỨC

1. Nội dung tuyên truyền

Công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023 tập trung vào những nội dung trọng tâm sau:

a) Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về tầm quan trọng, ý nghĩa, mục tiêu và tác động của cải cách hành chính đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tuyên truyền tình hình triển khai, kết quả, thành tựu trong thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 được ban hành tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2021 của Thủ

tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 3037/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Chương trình cải cách hành chính tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 và Kế hoạch số 664/KH-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh giai đoạn 2022 - 2025.

b) Các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về cải cách hành chính Trung ương và của tỉnh.

c) Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập đối với việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

d) Tuyên truyền, phổ biến các nội dung cơ bản sau đây:

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả: Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (năm 2019).

- Tình hình triển khai, kết quả, hiệu quả việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; tình hình triển khai, kết quả thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; tình hình thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tình hình, kết quả triển khai cải cách công vụ, công chức. Các quy định của pháp luật về quản lý, tuyển dụng, sử dụng, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống hành chính; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện công vụ, nhiệm vụ, đặc biệt là trong giải quyết công việc cho cá nhân, tổ chức.

- Tình hình triển khai và kết quả thực hiện Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; các đề án, dự án cải cách hành chính do các cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định số 3037/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tình hình triển khai các nội dung xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, trọng tâm là triển khai có hiệu quả Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 ban hành tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; tình hình triển khai Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được ban hành tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; tình hình triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

d) Những kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân cũng như tình hình triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính của các sở, ban ngành và địa phương.

e) Các mô hình, cơ chế đang được triển khai thí điểm, các điển hình tốt trong cải cách hành chính ở Trung ương và địa phương.

g) Quy định của pháp luật về mối quan hệ giữa Nhà nước và Nhân dân; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong việc tham gia và giám sát tiến trình cải cách hành chính.

h) Tuyên truyền qua các kênh, phương thức doanh nghiệp, người dân tham gia phản ánh, kiến nghị, đóng góp sáng kiến cải cách hành chính.

2. Các hình thức tuyên truyền

a) Tuyên truyền, phổ biến CCHC, các quy định, chính sách pháp luật trong nội bộ cơ quan, đơn vị; Tuyên truyền công tác cải cách tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động cán bộ, công chức, viên chức; chính sách thu hút dãi ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao; kỷ cương, kỷ luật hành chính, tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; Tuyên truyền về công tác kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Thực hiện thông qua hội nghị, hội thảo, các cuộc họp giao ban, phổ biến pháp luật.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm 2023.

- Cơ quan thực hiện: Các Sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

b) Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, đưa tin, bài về thực hiện công tác CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội

Thông tin, tuyên truyền đầy đủ, kịp thời về tình hình, kết quả thực hiện cải cách hành chính. Thiết lập các kênh tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định liên quan đến cải cách hành chính tại trụ sở, đường dây nóng và trên cổng thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm 2023.
- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Cơ quan thực hiện: Các Sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

c) Chuyên mục, phóng sự các nội dung của cải cách hành chính

Tuyên truyền, phổ biến các quy định, chính sách pháp luật, các hoạt động cải cách hành chính của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương và của tỉnh gắn với tình hình triển khai và kết quả đạt được của công tác kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh, trong đó cần tập trung tuyên truyền một số nội dung mà người dân chưa hiểu biết rộng rãi như:

- Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công; Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Quyền phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích; hình thức thực hiện TTHC trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Hàng tháng trong năm 2023
- Cơ quan thực hiện: Đài Phát thanh và Truyền hình An Giang.
- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ; các cơ quan, đơn vị có liên quan trong và ngoài tỉnh.

d) Tin, bài viết về các nội dung của cải cách hành chính trên Báo chí

- Thực hiện tin tức, bài viết tuyên truyền các quy định, hoạt động cải cách hành chính; tuyên truyền kết quả thực hiện các nội dung theo Chương trình cải cách hành chính tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh giai đoạn 2022 - 2025; những kết quả đạt được trong triển khai, thực hiện kế hoạch CCHC của tỉnh năm 2023 và những giải pháp, nhiệm vụ trong những năm tiếp theo; Tình hình triển khai và kết quả Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, những kết quả đạt được và những tồn tại hạn chế, nguyên nhân cũng như tình hình triển khai về: Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy hành

chính nhà nước; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công; Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số của địa phương.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm 2023.
- Cơ quan thực hiện: Báo An Giang.
- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ; các cơ quan, đơn vị có liên quan trong và ngoài tỉnh.

đ) Cuộc thi, Hội thi cải cách hành chính

Tổ chức cuộc thi, hội thi gắn với chủ đề CCHC.

- Thời gian thực hiện: Quý III năm 2023.
- Cơ quan thực hiện: Sở Nội vụ.
- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, đơn vị có liên quan; Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang.

e) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng chỉ đạo điều hành và triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; bồi dưỡng kiến thức văn hóa công sở, nâng cao đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; cập nhật kiến thức thực tế về văn hóa công sở, văn hóa công vụ, đạo đức công vụ cho đội ngũ công chức lãnh đạo, quản lý từ tỉnh đến cơ sở, từ đó vận dụng, áp dụng vào trong quá trình thực hiện nhiệm vụ công vụ.

- Thời gian thực hiện: Quý III, IV/2023.
- Cơ quan thực hiện: Sở Nội vụ.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

g) Tuyên truyền qua tin nhắn điện thoại di động, ứng dụng Smart An Giang góp phần phổ biến tuyên truyền các chủ trương về CCHC sâu rộng trong tầng lớp nhân dân.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm 2023.
- Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

h) Tuyên truyền, hướng dẫn tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến và sử dụng dịch vụ Bưu chính công ích trong tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm 2023.
- Cơ quan thực hiện: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh), Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Bưu điện tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Các nội dung tuyên truyền CCHC sử dụng từ nguồn kinh phí CCHC năm 2023 được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Sở Nội vụ quản lý, sử dụng.

- Các địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện kế hoạch, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện, lồng ghép trong kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan, địa phương theo phân cấp ngân sách và theo quy định của Luật Ngân sách hiện hành. Lồng ghép từ nguồn kinh phí thực hiện một số Chương trình, Dự án có liên quan đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Khuyến khích các sở, ban ngành, địa phương huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để triển khai thực hiện công tác tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền CCHC của cơ quan, đơn vị; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính trong phạm vi, nhiệm vụ được giao.

- Định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền CCHC của đơn vị mình (*lồng ghép nội dung vào báo cáo CCHC định kỳ hoặc theo yêu cầu chuyên đề*) gửi Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nội vụ theo quy định.

- Lồng ghép công tác tuyên truyền CCHC vào công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; chủ động phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong việc tuyên truyền các nội dung phù hợp với từng ngành, từng cấp; gắn tuyên truyền CCHC với công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, đảm bảo thực hiện theo Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh An Giang, qua đó tăng tỷ lệ giải quyết hồ sơ trực tuyến. Đảm bảo 100% hồ sơ được tiếp nhận và giải quyết trên Cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch tuyên truyền về công tác CCHC của cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị cập nhật, công khai đầy đủ, rõ ràng, đúng quy định các TTHC tại nơi giải quyết thủ tục hành chính và trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và của cơ quan, đơn vị, trang *dichvucong.angiang.gov.vn* của tỉnh.

- Thực hiện tốt công tác truyền thông về hoạt động công tác kiểm soát thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2023.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan chỉ đạo, định hướng nội dung thông tin tuyên truyền về cải cách hành chính trên hệ thống truyền thanh cơ sở nhằm triển khai hiệu quả Kế hoạch này.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị hướng dẫn tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến và dịch vụ Bưu chính công ích trong tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính và các nội dung xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

4. Sở Tư pháp

Lồng ghép tuyên truyền công tác CCHC với tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Tài chính

Theo khả năng cân đối ngân sách, hàng năm phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này, trên cơ sở lồng ghép với kinh phí chi thường xuyên được giao hàng năm, các Chương trình, Dự án và các nguồn huy động hợp pháp khác theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Lồng ghép tuyên truyền các chế độ, chính sách của tỉnh về thu hút đầu tư vào tỉnh tại các cuộc tiếp xúc, trao đổi với doanh nghiệp.

7. Đài Phát thanh và Truyền hình An Giang

Thiết lập và duy trì chuyên mục phát sóng định kỳ về cải cách hành chính nhà nước. Xây dựng các chuyên mục thích hợp để tuyên truyền về cải cách hành chính như trả lời trực tiếp của Thủ trưởng các sở, ngành và địa phương trên truyền hình...

8. Báo An Giang

Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng chuyên mục, chuyên trang tuyên truyền về công tác CCHC để thông tin, cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh An Giang năm 2023 phù hợp với phạm vi, đối tượng tuyên truyền.

9. Sở Nội vụ

- Chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành, địa phương hoàn thành Kế hoạch tuyên truyền CCHC tỉnh năm 2023, tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo CCHC và UBND tỉnh.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang, Báo An Giang và các tổ chức đoàn thể trên địa bàn tỉnh tổ chức tuyên truyền cải cách hành chính.

- Lồng ghép việc kiểm tra công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính trong Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh và của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh An Giang.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ để tổng hợp) xem xét điều chỉnh, bổ sung phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 243/UBND-TH

An Giang, ngày 14 tháng 3 năm 2023

V/v triển khai công bố, công khai,
hướng dẫn thực hiện TTHC có yêu cầu
nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm
trú giấy hoặc xác nhận tại nơi cư trú

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Công văn số 1472/VPCP-KSTT ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ về việc công bố, công khai, hướng dẫn thực hiện TTHC có yêu cầu nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc xác nhận tại nơi cư trú, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu:

1. Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

- Tiếp tục quán triệt, triển khai nghiêm các chỉ đạo tại Công văn số 208/UBND-NC ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Công điện số 90/CD-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh thực hiện quy định liên quan đến sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy và Công văn số 1560/UBND-TH ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến.

- Khẩn trương rà soát văn bản pháp luật thuộc thẩm quyền có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận của địa phương nơi cư trú (phải chứng minh thông tin nơi cư trú trước khi xác nhận) khi thực hiện các thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công (phụ lục 1 kèm theo Công văn số 1472/VPCP-KSTT) tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến sửa đổi các Thông tư, Quyết định của Bộ, ngành bảo đảm cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trên cơ sở khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các Cơ sở dữ liệu khác, thực hiện đúng các quy định tại Luật Cư trú và Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công bố, công khai danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi giải quyết trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Hệ

thông thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh và nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở công bố của Bộ, ngành.

- Chủ động xây dựng, hoàn thiện quy trình nội bộ, quy trình điện tử để thực hiện việc bãi bỏ yêu cầu nộp, xuất trình Sổ hộ khẩu giấy, Sổ tạm trú giấy, giấy xác nhận cư trú (kể cả trường hợp chứng minh nơi cư trú trước khi xác nhận giấy tờ như: Sơ yếu lý lịch, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân,...) theo Luật cư trú, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, **hoàn thành trước ngày 20 tháng 3 năm 2023.**

Yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nghiêm túc thực hiện chỉ đạo này./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Bình

VĂN PHÒNG UBND TỈNH AN GIANG XUẤT BẢN

Địa chỉ : 16C, Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, TP.Long Xuyên – AG

Điện thoại : 0296. 3856955

Fax : 0296. 3852037

Email : congbao@angiang.gov.vn

Website : <http://congbao.angiang.gov.vn>